

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 5 - 2023
V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Xuân Cầm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Vy và bà Cái Diệu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Anh Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 05/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023, về việc: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Phan Văn L, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn 3, xã X, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn đề ngày 27 tháng 12 năm 2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Phương T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Phan Văn L có tình cảm, yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã H (nay thuộc thành phố Huế), tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 05 tháng. Sau đó, nảy sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay, mỗi người một cuộc sống riêng, không còn quan tâm gì nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Phan Văn L ham chơi, không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến vợ con và xây dựng hạnh phúc gia đình. Chị T khuyên can thì vợ chồng cãi nhau, anh L có đánh đập Chị T. Hai bên gia đình hòa giải

nhưng anh L không thay đổi, ngược lại vợ chồng mâu thuẫn nhiều hơn. Nay tình cảm vợ chồng với anh Phan Văn L không còn nên Chị T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn anh Phan Văn L.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Có một con chung là Phan Ngọc T, sinh ngày 17/5/2017, hiện đang sống với Chị T nên chị yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Biên xác minh đối với anh Phan Văn L, bà Mai Thị C cho biết:* Bà C là mẹ ruột anh L, anh Phan Văn L hiện có cùng hộ khẩu với bà C. Anh Phan Văn L và chị Nguyễn Thị Phương T kết hôn năm 2017. Quá trình chung sống vợ chồng anh L, Chị T xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm nhau, hai người ở với nhau không được nên đã sống ly thân từ 5-6 năm nay, không còn quan tâm gì nhau. Nay Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định. Về con chung: Anh L và chị T có một người con chung là Phan Ngọc T, sinh ngày 17/5/2017, hiện cháu T đang sống với chị T.

Bà C cũng đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có thông báo cho anh L biết. Do bận công việc nên anh L không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị T.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự, làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, các Điều 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Phương T. chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn anh Phan Văn L.

Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao người con chung là Phan Ngọc T, sinh ngày 17/5/2017 cho chị Nguyễn Thị Phương T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; anh Phan Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra, đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Phương T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Phan Văn L vắng mặt lần thứ hai, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Phương T và anh Phan Văn L thấy rằng: Chị T và anh L có tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Phương T và anh Phan Văn L là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa Chị T và anh L phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, không sống chung được với nhau nên đã sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Quá trình ly thân không quan tâm chăm sóc gì nhau. Mặc dù đã biết việc chị T khởi kiện ly hôn nhưng anh L vẫn không có ý kiến trình bày hoặc đến Tòa án để tham gia tố tụng. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương T.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Hiện nay người con chung là Phan Ngọc T, sinh ngày 17/5/2017 đang sống với Chị T nên cần giao cho Chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp, đúng quy định pháp luật. Chị T không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, các Điều 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn anh Phan Văn L.

2. Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao người con chung là Phan Ngọc T, sinh ngày 17/5/2017 cho chị Nguyễn Thị Phương T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Phan Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phan Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004247 ngày 05/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Đương sự;
- UBND xã H, TP Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Xuân Cầm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA